

Số: 1355/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 31 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tại Tờ trình số 336/TTr-STNMT ngày 12/7/2017 về việc xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại các tuyến kênh, mương, đoạn sông, đang bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất các giải pháp cải tạo, khắc phục các tuyến kênh, mương, đoạn sông bị ô nhiễm, suy thoái môi trường hướng đến bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Trà Vinh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá mức độ ô nhiễm và xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, đề xuất các giải pháp cải tạo, khắc phục các tuyến kênh, mương, đoạn sông bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đưa ra lộ trình cụ thể về cải tạo, khắc phục các tuyến kênh, mương, đoạn sông bị ô nhiễm, suy thoái môi trường làm cơ sở cho cơ quan quản lý Nhà

nước các cấp tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, từng bước cải tạo, khắc phục các tuyến kênh, mương, đoạn sông bị ô nhiễm, suy thoái môi trường.

II. Nội dung

1. Hoàn thiện và ban hành tiêu chí xác định, phân loại các khu vực bị ô nhiễm môi trường

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý thoát nước trong đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp; ban hành các văn bản, quy định về bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư. Hướng tới đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung phù hợp với từng loại đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy định về giá dịch vụ thoát nước, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên cơ sở quy định pháp luật và phù hợp tình hình thực tế của địa phương; bù đắp một phần kinh phí cho việc cải tạo, khắc phục ô nhiễm trong thoát nước thải.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tái chế, tái sử dụng chất thải; đồng thời, thực hiện thu gom, phân loại rác thải tại nguồn nhằm hạn chế tác động đến môi trường và chất lượng nước tại các kênh, mương, đoạn sông.

2. Tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Đẩy mạnh việc phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước tại kênh, mương, đoạn sông nhất là tại khu vực nội ô thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư,... nhằm phòng ngừa, khống chế tình trạng ô nhiễm.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc chủ động ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường,...; qua đó, giúp giảm thiểu tối đa tác động của ô nhiễm nguồn nước tới môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

3. Đầu tư công nghệ, đề xuất các giải pháp cải tạo, xử lý, phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng

Trên cơ sở đánh giá mức độ ô nhiễm tại các kênh, mương, đoạn sông, lựa chọn hình thức, công nghệ phù hợp nhằm cải tạo, xử lý, phục hồi môi trường tại các khu vực này; đồng thời, tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học để giảm thiểu các chất hữu cơ, mùi hôi, bùn thải,...

4. Đầu tư cải tạo, phục hồi hệ thống công, kênh, mương, đoạn sông, nhằm khơi thông dòng chảy

Ưu tiên đầu tư khắc phục các khu vực đang bức xúc về ô nhiễm nguồn nước, thực hiện việc xác định ranh giới, diện tích kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị; xử lý, khắc phục tình trạng lấn, chiếm, san lấp hệ thống kênh, mương, đoạn sông trái phép làm thu hẹp diện tích mặt nước.

III. Giải pháp thực hiện

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường

- Tổ chức tập huấn về kiến thức về bảo vệ môi trường, lồng ghép hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách bảo vệ môi trường cho công chức, viên chức, người lao động và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường, đặc biệt chú trọng tuyên truyền việc không xả rác, chất thải trong sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, nước thải chưa qua xử lý xuống kênh, mương, đoạn sông,...

- Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông thông qua việc thực hiện các chuyên mục, phóng sự bảo vệ môi trường trên các phương tiện truyền thông các cấp trên địa bàn tỉnh.

2. Quy hoạch, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có tại các đô thị, khu dân cư

- Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có nhằm góp phần cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường đô thị, khu dân cư. Trước mắt, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại khu vực đô thị, khu dân cư góp phần duy trì việc đạt tiêu chí của đô thị và nâng cao chất lượng môi trường sống của cộng đồng.

- Nghiên cứu, nhân rộng mô hình công nghệ xử lý ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; phục hồi môi trường tại các kênh, mương, đoạn sông và các vùng bị tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

3. Thanh, kiểm tra đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường

- Kiểm soát nguồn thải của các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thải trực tiếp nước thải, rác thải ra các kênh, mương, đoạn sông. Tăng cường tổ chức kiểm tra, rà soát các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, lập danh sách các cơ sở để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và có biện pháp xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ áp dụng mô hình quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000, sản xuất sạch hơn, kiểm toán chất thải, đánh giá vòng đời sản phẩm... bằng các chính sách về giảm thuế, phí bảo vệ môi trường, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn....

4. Giải pháp nguồn vốn

Vốn thực hiện Đề án được huy động từ các nguồn sau:

- Vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; phí thoát nước; chi đầu tư phát triển; sự nghiệp khoa học – công nghệ; vốn ODA.

- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

- Vốn đầu tư của các doanh nghiệp.

- Nguồn tài trợ, đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Danh mục công trình ưu tiên đầu tư cải tạo, phục hồi ô nhiễm trên địa bàn tỉnh và các Chương trình, dự án ưu tiên giai đoạn 2018-2025:

5.1. Danh mục công trình ưu tiên đầu tư cải tạo, phục hồi ô nhiễm trên địa bàn tỉnh (Đính kèm Phụ lục 01)

5.2. Các Chương trình, dự án ưu tiên giai đoạn 2018-2025 (Đính kèm Phụ lục 02).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án. Hàng năm, phối hợp Sở Tài chính cân đối nguồn vốn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường để đầu tư thực hiện các dự án thuộc danh mục của Đề án tại Phụ lục 02; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tranh thủ, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu, bổ sung các điểm quan trắc môi trường chất lượng nước mặt tại các kênh, mương, đoạn sông vào quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan nghiên cứu, tìm các nguồn vốn, đề xuất các cơ chế khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong việc thực hiện các dự án đầu tư cải tạo ô nhiễm nước tại các kênh, mương, đoạn sông mương (như: nạo vét, chỉnh trang đô thị; di dời nhà trên kênh, mương, đoạn sông,...; đầu tư xử lý nước thải tập trung đô thị;...).

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư; trong đó, chú trọng ưu tiên các dự án công nghiệp có sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Không cấp giấy chứng nhận đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng đối với dự án có nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

3. Sở Tài chính: Hướng dẫn, bố trí kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư trọng điểm về bảo vệ môi trường thuộc Đề án.

4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương có liên quan lập quy hoạch chỉnh trang đô thị, hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Trà Vinh và các huyện, thị xã.

- Trong quá trình thẩm định hồ sơ dự án xây dựng, cần đảm bảo thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật (như xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, đặc biệt ưu tiên cho quy hoạch hệ thống thoát nước đô thị).

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện các quy định về quản lý các tuyến kênh, mương, đoạn sông; phát triển, khai thác, sử dụng đúng mục tiêu và hiệu quả các tuyến kênh, mương, đoạn sông theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; đồng thời, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi, tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp công nghệ xử lý nước thải thân thiện môi trường thuộc các ngành nghề khác nhau phù hợp trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học trong xử lý và bảo vệ môi trường như: xây dựng các giải pháp công nghệ sản xuất sạch hơn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất kinh tế và đời sống xã hội; thiết lập sơ đồ mô hình cảnh báo, điều khiển từ xa phục vụ quan trắc các thông số môi trường; ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin theo dõi sự biến động của một số thành phần môi trường.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tiến hành cải tạo, phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn nêu tại Phụ lục 01.

- Tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình thoát nước trên địa bàn sau khi được đầu tư, cải tạo và khắc phục.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trên địa bàn; tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về hành vi xả thải trực tiếp chất thải vào các tuyến kênh, mương, đoạn sông gây ô nhiễm nguồn nước đặc biệt tại các khu vực đô thị, khu tập trung dân cư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.78b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng



**DANH MỤC CÁC TUYẾN SÔNG, KÊNH, RẠCH NẠO VẾT CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

(Kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Trà Vinh)

Thứ tự ưu tiên	Tên vùng	Tên kênh	Tên xã	Nguồn ô nhiễm	Kích thước (D x R) (m)	Vị trí (VN2000)				Đặc điểm dòng chảy	Dự kiến phương án cải tạo	Dự toán kinh phí tạm tính (triệu đồng)
						Điểm đầu		Điểm cuối				
1	TP Trà Vinh	Rạch Ngõ Quyền	Phường 4	Sinh hoạt	270 x 1	592231	1099351	592334	1099594	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét thủ công	100
		Kênh Liên Khóm 4,5,6	Phường 4	Sinh hoạt	280 x 1	592364	1099440	592375	1099710	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét thủ công	100
		Kênh Giồng Cáp 1	Phường 9	Sinh hoạt	400 x 3	589953	1095060	590205	1095373	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	250
		Kênh Đại	Phường 1	Sinh hoạt	500 x 11	591634	1099992	591735	1100480	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới	400
		Kênh Đình Vĩnh Yên	Long Đức	Sinh hoạt	210 x 2	592934	1102577	593061	1102405	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét cơ giới	120
		Kênh Hẻm Hai Trắng	Phường 5	Sinh hoạt	320 x 2	592461	1098133	592781	1098148	Có dòng chảy chậm	Nạo vét thủ công, phát quang cây bụi	200
		Kênh Phú Hòa	Phường 1	Sinh hoạt	480 x 9	591079	1099618	590652	1099830	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi	350
	TX Duyên Hải	Kênh Cầu Đình	Phường 1	Cơ sở sản xuất	600 x 1,5	608760	1065825	608261	1065615	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét cơ giới	250
Huyện	Kênh Mương	TT. Long	Sinh hoạt	300 x 0,7	602971	1062670	602731	1062718	Khả năng tiêu	Nạo vét cơ	100	

	Duyên Hải	Chợ Cũ	Thành							thoát nước kém, tù đọng	giới, phát quang cây bụi, thu gom rác thải	
	Huyện Cầu Ngang	Kênh Thủy lợi	TT. Cầu Ngang	Sinh hoạt	550 x 3	603966	1083454	604025	1082930	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới, khơi thông dòng chảy	180
	Huyện Càng Long	Kênh Khóm 1-2	TT Càng Long	Sinh hoạt	550 x 2	577370	1105828	577334	1106361	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi, thu gom rác thải	150
	Huyện Tiểu Cần	Rạch Ghe Hàu	TT. Cầu Quan	Sinh hoạt	700 x 5	568894	1080701	569210	1080070	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét thủ công, thu gom rác thải	420
2	TP Trà Vinh	Kênh Ô Xây 9	Phường 9	Nuôi trồng thủy sản	1000 x 6	591240	1095320	590227	1095372	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới	250
		Rạch Bến Xuông	Phường 1	Sinh hoạt	1000 x 8	591767	1099772	590979	1100338	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới	250
		Kênh Khóm 8	Phường 7	Sinh hoạt	1000 x 5	591231	1098716	590700	1099526	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	250
		Kênh Liên Khóm 1, 2, 3	Phường 8	Sinh hoạt	1200 x 4	589420	1096840	588530	1097142	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét cơ giới	300
		Kênh Khóm 5, 6	Phường 8	Sinh hoạt	2000 x 2	589523	1096612	587782	1095753	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét cơ giới và nạo vét thủ công	550
		Kênh Làng Nghè	Long Đức	Sinh hoạt	1000 x 2,5	592236	1101818	592933	1102544	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	250
	Rạch Tiệm Tương	Phường 4, phường 1	Sinh hoạt	1200 x 3,5	592602	1099727	592323	1100643	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới	350	
	Huyện Càng Long	Kênh Liên Khóm 3-4-6	TT Càng Long	Sinh hoạt	2900 x 2	576528	1103969	576977	1106724	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét cơ giới và nạo vét thủ công	550
3	Huyện Châu	Kênh Đê Bao Hưng Mỹ Đền	Hưng Mỹ	Nông nghiệp	110 x 10	597477	1098514	597404	1098595	Tù đọng	Nạo vét, khơi thông	100

	Thành	Hương Lộ 14								chạy		
		Rạch Hai On	Đa Lộc	Sinh hoạt	240 x 0,7	593110	1091047	593346	1091110	Khả năng tiêu thoát nước kém, tự động	Nạo vét thủ công	100
		Kênh Cấp 2 Chung Cư	Hòa Thuận	Sinh hoạt	300 x 2	593472	1099045	593447	1099375	Có dòng chảy chậm	Nạo vét thủ công	150
		Kênh Cấp 2, Ấp Đa Căn	Hòa Thuận	Sinh hoạt	300 x 5	593477	1099076	593521	1098776	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	150
		Kênh Sáu Tân	Lương Hòa	Sinh hoạt	700 x 4	588664	1095935	588001	1095660	Khả năng tiêu thoát nước kém, tự động	Nạo vét cơ giới	250
	Huyện Cảng Long	Kênh Ấp Cầu Đúc	Nhị Long	Nông nghiệp	350 x 3	584103	1106139	584296	1106396	Khả năng tiêu thoát nước kém, tự động	Nạo vét thủ công, khơi thông dòng chảy, phát quang cây bụi	200
		Kênh Liên Ấp Nguyệt Lăng B-C	Bình Phú	Sinh hoạt	500 x 5	581349	1101350	580864	1101280	Khả năng tiêu thoát nước kém, tự động	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi, thu gom rác thải	220
	Huyện Tiểu Cần	Kênh Giữa Xóm	Phú Căn	Sinh hoạt	500 x 2	575233	1085685	575014	1085509	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	100
	Huyện Cầu Ngang	Kênh Nhà Thờ	Vĩnh Kim	Sinh hoạt	400 x 4	603530	1089582	603147	1089616	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới, thu gom rác thải	150
	TX Duyên Hải	Kênh Thoát Nước Tái Định Cư, Ấp Mù U	Dân Thành	Sinh hoạt	500 x 1,5	611570	1059802	611681	1059345	Khả năng tiêu thoát nước kém, tự động	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi, thu gom rác thải	150
Huyện Cầu Kè	Kênh Công Chảo	Phong Thạnh	Nông nghiệp	900 x 2	568279	1088197	569212	1088388	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	150	
4	Huyện Tiểu	Kênh Vườn Nhãn	Hiếu Từ	Sinh hoạt	150 x 3	575774	1087507	575912	1087559	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới, thu gom	100

	Cần	Kênh Liên Ấp Ô Êt – Bà Ấp – Đại Mông	Phú Cần	Nông nghiệp	750 x 3	573715	1084626	574236	1084481	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi	150
		Huyện Châu Thành	Kênh Cấp 2, Cổng Vĩnh Trường – Kỳ La	Hòa Thuận	Nông nghiệp	300 x 6	594244	1100304	594184	1100591	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi
	Đoạn Kênh Nhà Thờ Đến Đất Làng		Phước Hào	Nông nghiệp	700 x 3	598824	1091474	598536	1092086	Có dòng chảy, có lưu lượng nước	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi	180
5	Huyện Cầu Ngang	Kênh cấp 2, 3 ấp lạc hòa A	Thạnh Hòa Sơn	Nuôi trồng thủy sản	1000 x 4	605604	1073380	605750	1072889	Có dòng chảy chậm	Nạo vét cơ giới	150
		Kênh Giồng	Vĩnh Kim	Nông nghiệp	2000 x 2,5	604753	1090685	605296	1088702	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi	450
	Huyện Tiểu Cần	Kênh Xóm Vó	Phú Cần	Sinh hoạt	1000 x 3	575029	1084739	575576	1083905	Khả năng tiêu thoát nước kém, tù đọng	Nạo vét cơ giới	280
6	Huyện Càng Long	kênh ấp C giáp Cây Cách	Bình Phú	Nông nghiệp	1000 x 4	579365	1102173	579254	1101188	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi, thu gom rác thải	250
	Huyện Châu Thành	Kênh Sầm Bua	Lương Hòa	Sinh hoạt	1000 x 4	587782	1095752	586832	1095282	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét cơ giới	250
		Đoạn từ sông Trà Cuồn đến sông Bằng Đa	Phước Hào	Nông nghiệp	2500 x 2,5	598194	1092429	598979	1090361	Khả năng tiêu thoát nước kém	Nạo vét cơ giới, phát quang cây bụi	500
TỔNG KINH PHÍ:												9.550



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2018 - 2025

(Kèm theo) Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Trà Vinh

TT	DỰ ÁN	NỘI DUNG DỰ ÁN	SẢN PHẨM DỰ KIẾN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP/GIÁM SÁT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	KINH PHÍ DỰ KIẾN (TRIỆU ĐỒNG)(*)	NGUỒN KINH PHÍ
1	Tăng khả năng lưu thông và tự làm sạch của kênh, rạch. Cải thiện chất lượng nước các kênh, rạch bị ô nhiễm	- Nạo vét 41 tuyến kênh mương, với tổng chiều dài khoảng 34 km. - Tiến hành nạo vét theo mức độ ưu tiên các kênh, rạch nội thị, chiều dài ngắn, và ô nhiễm nặng	Giảm thiểu ô nhiễm tại 41 tuyến kênh, rạch	UBND các huyện thị, thành phố;	Sở NN&PTNT	2018-2025	9.550	Kinh phí theo từng dự án
2	Nâng cao ý thức BVMT của người dân.	- Tập huấn tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, BĐKH cho cán bộ hội viên Hội nông dân, chức sắc tôn giáo, doanh nghiệp, công chức, viên chức - Thực hiện tuyên truyền gắn với các ngày lễ trong năm như Hướng ứng Giờ trái đất, Các hoạt động Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn,	-	Sở TNMT	UBMT Tổ quốc, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Trà Vinh và UBND các xã, phường, thị trấn	Hàng năm	1.000/năm	Kinh phí sự nghiệp MT
3	Cải thiện và bảo vệ môi trường nước sông Long Bình	- Đánh giá hiện trạng ô nhiễm - Xác định các nguồn gây ô nhiễm - Đánh giá khả năng tiếp nhận - Đề xuất giải pháp quản lý	Báo cáo kết quả dự án và những sản phẩm liên quan của dự án	Sở TNMT	UBND TP. Trà Vinh	2018 - 2019	900	Kinh phí sự nghiệp MT
4	Cải thiện và bảo vệ môi trường	- Đánh giá hiện trạng ô nhiễm	Báo cáo kết quả dự án và những sản	Sở TNMT	UBND các	2018 - 2019	1800	Kinh phí sự nghiệp

	nước mặt vùng nuôi trồng thủy sản	- Xác định các nguồn gây ô nhiễm - Đánh giá khả năng tiếp nhận - Đề xuất giải pháp quản lý	phẩm liên quan của dự án		huyện,Thị			BVMT
5	Cải thiện bảo vệ môi trường nước vùng nuôi cá lóc, tận dụng nước thải nuôi trồng để tiết kiệm chi phí trong trồng trọt.	- Nghiên cứu thành phần hóa học có trong nước thải nuôi cá lóc. - Nghiên cứu liều lượng và bổ sung các hóa chất cần thiết, đảm bảo năng suất cho từng loại hoa màu khác nhau tại địa phương. - Thí điểm mô hình tại địa phương	Báo cáo kết quả dự án và những sản phẩm liên quan của dự án	Sở KH&CN	Sở NN&PTNT; Sở TNMT	2018-2020	1.000	Kinh phí KHCN
6	Tăng cường khả năng BVMT tại các khu dân cư	- Đầu tư các lò đốt rác sinh hoạt công suất 350kg/ngày	Lò đốt rác	Sở TNMT	UBND các huyện, TP, TX	-	2.500/lò	Kinh phí sự nghiệp BVMT
7	Tăng cường khả năng BVMT tại các khu dân cư	Đầu tư các thùng rác tự phân hủy cho các khu dân cư tự quản bảo vệ MT	Thùng rác tự phân hủy	Sở TNMT	UBND các huyện, TP, TX	Hàng năm	100/120 thùng	Kinh phí sự nghiệp MT
8	Hiện đại hóa quá trình quản lý kiểm soát vận hành các công trình thủy lợi	- Xây dựng phần mềm lưu trữ thông kê dữ liệu, công tác vận hành hệ thống các công trình thủy lợi; Các dữ liệu thông kê sẽ được lưu trữ, chia sẻ thông tin trên hệ thống dữ liệu của tỉnh, để đảm bảo vận hành thống nhất giữa các địa phương trong tỉnh. - Triển khai hướng dẫn sử dụng bộ phần mềm đến các cấp quản lý công trình thủy lợi.	- Bộ phần mềm lưu trữ, thông kê dữ liệu vận hành công trình thủy lợi	Sở NN&PTNT	Sở KH&CN	2018-2020	900	Kinh phí sự nghiệp kinh tế
9	Xác định được các cơ sở khoa học và thực tiễn	- Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng thu gom rác thải hiện có trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Báo cáo kết quả dự án và những sản phẩm liên quan	Sở TNMT	Sở KHCN; Sở XD;	2018-2019	1.500	Kinh phí KHCN

<p>tin cậy nhằm phục vụ cho việc xây dựng hệ thống thu gom và đề xuất phương án xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đảm bảo đáp ứng đầy đủ năng lực thu gom và xử lý rác thải trên các địa bàn</p>	<p>- Khảo sát, đánh giá tác động do ô nhiễm rác thải đến môi trường xung quanh và đến sức khoẻ dân cư và cộng đồng</p> <p>- Nghiên cứu đề xuất hệ thống thu gom và phương án xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030</p>	<p>của dự án</p>		<p>UBND các huyện, TX, TP</p>			
---	---	------------------	--	-------------------------------	--	--	--

(*) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng kinh phí và mục tiêu, quy mô, đơn vị chủ đầu tư lập đề án, dự án xác định mức cụ thể trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.